TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHÂU THÀNH** **TỈNH TRÀ VINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHÍA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: 112/2018/QĐST-DS	*Châu Thành, ngày 19 tháng 10 năm 2018*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 157, Điều 165, Điều 212, Điều 213, Điều 217 và Điều 218 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào biên bản hòa giải thành ngày 28 tháng 9 năm 2018 về việc các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: 424/2016/TLST-DS ngày 27 tháng 12 năm 2016.

XÉT THẤY:

Các thỏa thuận của các đương sự được ghi nhận trong biên bản hòa giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày kể từ ngày lập biên bản hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

***- Nguyên đơn*:** Ông T.N.T, sinh năm 1983;

Địa chỉ: ấp KX, xã HL, huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh.

Đại diện hợp pháp của ông T.N.T là ông N.N.B, sinh năm 1966; địa chỉ: đường Nguyễn Chí Thanh, khóm X, phường Y, thành phố Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh.

- Bị đơn: Bà T.T.T, sinh năm 1986;

Địa chỉ: ấp KX, xã HL, huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh.

Đại diện theo ủy quyền của bà T.T.T là ông K.C, sinh năm 1988; địa chỉ: ấp TP, xã HL, huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1/ Bà K.T.T , sinh năm 1958;

Đại diện hợp pháp của bà K.T.T là ông N.N.B, sinh năm 1966; địa chỉ: đường Nguyễn Chí Thanh, khóm X, phường Y, thành phố Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh.

2/ Bà T.T.TM, sinh năm 1981;

Cùng địa chỉ: ấp KX, xã HL, huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh.

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Diện tích 1.868m^2 (phần A) thuộc một phần thửa đất 1536, tờ bản đồ số 7, tọa lạc tại ấp Kinh Xáng, xã Hòa Lợi, huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh. Chị T.T.T, chị T.T.TM, anh T.N.T thống nhất thỏa thuận:

Anh T.N.Tđược hưởng: Ngang 5,3m dài hết đất + ngang 2m dài 60m. Với diện tích là 825m^2 (211m^2 + 614m^2) có tứ cận:

+ Hướng Đông giáp thửa 1530 kích thước 5,30m;

+ Hướng Tây giáp đường nhựa kích thước 2,00m; 5,30m;

+ Hướng Nam giáp phần B thuộc thửa 1536 kích thước 117,12m;

+ Hướng Bắc giáp phần A thuộc thửa 1536 kích thước 60,00m; 2,00m; 57,16m.

(Có kèm sơ đồ khu đất)

- Phần còn lại của diện tích đất 1.868m^2 (phần A) nói trên và các tài sản là nhà và đất thuộc thửa 2660 diện tích 300m^2 và giá trị nhà riêng của chị T.T.T thuộc thửa 1384 anh Thạch Ngọc Tiên, chị T.T.TM và chị T.T.T thống nhất không yêu cầu chia thừa kế.

- Đối với bà K.T.T có đơn xin rút yêu cầu độc lập nên Tòa án đình chỉ giải quyết yêu cầu này.

- Về chi phí thẩm định, định giá tài sản tranh chấp là 6.564.491 đồng, anh T.N.T tự nguyện chịu toàn bộ chi phí thẩm định, định giá này nhưng được trừ vào số tiền anh T.N.Tđã nộp tạm ứng chi phí thẩm định, định giá là 7.000.000 đồng theo phiếu thu ngày 04/8/2017 và phiếu thu ngày 21/8/2018 của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh nên anh T.N.T không phải nộp nữa. Anh T.N.T liên hệ với Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh để nhận lại số tiền chi phí thẩm định, định giá còn thừa là 435.509 đồng.

- Về án phí dân sự sơ thẩm là 6.187.500 đồng, anh T.N.T tự nguyện chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm này nhưng được trừ vào số tiền anh T.N.T đã nộp tạm ứng án phí tổng cộng là 9.875.000 đồng theo các biên lai thu số 0007433 ngày 21/12/2016 và biên lai thu số 0010088 ngày 04/5/2017 do Chi cục Thi hành án huyện Châu Thành tỉnh Trà Vinh thu nên anh T.N.T không phải nộp nữa. Anh T.N.T được quyền nhận lại số tiền tạm ứng án phí còn thừa là 3.687.500 đồng tại do Chi cục Thi hành án huyện Châu Thành tỉnh Trà Vinh.

- Hoàn trả số tiền tạm ứng án phí cho bà K.T.T đã nộp là 2.968.750 đồng theo biên lai thu số 0015175 ngày 26/3/2018 tại Chi cục Thi hành án huyện Châu Thành tỉnh Trà Vinh.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

THẨM PHÁN

**** Nơi nhận:***
- TAND tỉnh Trà Vinh;
- VKSND huyện Châu Thành;
- Chi cục THADS huyện Châu Thành;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

Kim Thị Ngọc Thu